

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán: Mua vật tư và thuê dịch vụ phục vụ công tác gia công, phục hồi các chi tiết đường khí nóng sử dụng cho các công trình SCL PM1.
- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư phục vụ công tác gia công, phục hồi các chi tiết đường khí nóng sử dụng cho các công trình SCL PM1.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Hàng đã được bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển và giao tại Kho vật tư của Chủ đầu tư tại Tại Nhà máy điện Phú Mỹ 1, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện gói thầu (được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày nghiệm thu hoàn thành công việc): Trong vòng 75 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, trong đó thời gian giao hàng và chứng từ kèm theo đạt yêu cầu:
 - + Đối với mục 1-6, 8 và 9: Trong vòng 30 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
 - + Đối với mục 7: Trong vòng 60 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Chíp dao tiện DCMT070204 VP15TF (hộp 10 cái) NSX: Mitsubishi hoặc tương đương	Hộp	1
2	Dao tiện PCLNR 2525M-12 NSX: Kyocera hoặc tương đương	Cái	1
3	Chíp dao cắt TKN3 (CR9025) (hộp 10 cái) NSX: Kyocera hoặc tương đương	Hộp	1
4	Dây hàn laser DSI M NiCr625, đường kính dây 0,8mm, cuộn dây dài 100m. NSX: DSI hoặc tương đương	Cuộn	2
5	Dây hàn laser DSI M NiCr625, đường kính dây 0,6mm, cuộn dây dài 100m. NSX: DSI hoặc tương đương	Cuộn	3
6	Bộ mũi dũa kim cương Diamond needle files, hộp 11 cây. Mã: 529350 NSX: Hoffmann Group (Thương hiệu Horex) hoặc tương đương	Hộp	2
7	Hộp lưỡi dao phay (10 lưỡi/hộp) SEKN1203AFTN/PR1225 NSX: Kyocera hoặc tương đương	Hộp	2

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
8	Que hàn Wel TIG 82 (AWS A5.14 ERNiCr-3), đường kính que hàn 2,4mm	Kg	10
9	Đá cắt kim loại 1.7. Kích thước phi 38x1,7mm. Hộp 40 cái NSX: San-I hoặc tương đương	Hộp	2

Ghi chú: Nhà thầu cần lưu ý các nội dung sau:

- Hàng hoá nêu trên là loại hàng hóa mà Chủ đầu tư đang sử dụng. Nhà thầu có thể chào đúng loại hoặc tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với yêu cầu sử dụng của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, các chứng chỉ cần thiết, có bảng phân tích đặc tính kỹ thuật tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế để chứng minh hàng do nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, cùng quy cách, cùng thành phần tương đương có tính năng sử dụng tương đương với hàng hóa đã nêu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chất lượng hàng hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật

Nhà thầu cam kết:

- Hàng mới 100% theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà sản xuất.
- Hàng hóa phải được bảo quản theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

1.3.2. Tính hợp lệ của hàng hoá

* Về xuất xứ hàng hóa: Nhà thầu chào hàng hóa phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Xuất xứ được hiểu là Quốc gia (Nước) hoặc vùng lãnh thổ. Trường hợp nhà thầu chào không có xuất xứ cụ thể E-HSDT của nhà thầu sẽ không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

* Về nhãn hiệu, hãng sản xuất: Trường hợp hàng hóa chào không nêu rõ nhãn hiệu hoặc hãng sản xuất thì hàng hóa đó không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

Tất cả hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có nguồn gốc xuất xứ, nhãn hiệu, hãng sản xuất rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu phải nêu rõ nhãn hiệu của hàng hóa, do nhà sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa tại Mẫu số 10B Chương IV.

Vì vậy, nhà thầu phải cam kết cung cấp các chứng từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp chính thức bao gồm:

- Tài liệu, bản vẽ kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
- Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất/xuất khẩu cấp đối với hàng nhập khẩu:

- + *Bản gốc hoặc bản liên 2 (bản đóng dấu “Copy” của cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc bản điện tử phát hành hợp lệ hoặc bản sao y được công chứng/chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền - áp dụng đối với các mục 4-6.*
- + *Bản gốc hoặc bản liên 2 (bản đóng dấu “Copy” của cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc bản điện tử phát hành hợp lệ hoặc bản sao y được công chứng/chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu - áp dụng đối với các mục còn lại.*
- Chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) do Nhà sản xuất/Văn phòng đại diện của Nhà sản xuất cấp:
 - + *Bản gốc hoặc bản gốc điện tử hoặc bản sao y được công chứng/chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền - áp dụng đối với các mục 4-6.*
 - + *Bản gốc hoặc bản điện tử hoặc bản sao y được công chứng/chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu - áp dụng đối với các mục còn lại.*
- Tờ khai hải quan và bảng liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm theo quy định đối với hàng nhập khẩu: Bản sao có đóng dấu xác nhận của đơn vị nhập khẩu.
- Chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành đối với hàng nhập khẩu (nếu có).
- Giấy bảo hành hàng hóa: Bản gốc.

1.3.3. Bảo hành hàng hoá

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 06 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng đạt yêu cầu.
- Địa điểm bảo hành: Tại địa điểm giao hàng.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.